**TUẦN 2**

*Thứ hai ngày 11 tháng 9 năm 2023*

**Chào cờ**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu nội quy nhà trường**

Tiếng Việt

**BÀI 1: A, a**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết và đọc đúng âm a.

- Viết đúng chữ a. Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ qua các tình huống reo vui “a”, tình huống cấn nói lời chào hỏi (chào gặp mặt, chào tạm biệt).

- Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm a (lưu ý: âm a có độ mở của miệng rộng nhất). - Nấm vững cấu tạo, cách viết chữ a.

- Cần biết những tình huống reo lên “A! A!” (vui sướng, ngạc nhiên,..). - Cần biết, các bác sĩ nhi khoa đã vận dụng đặc điểm phát âm của âm a (độ mở của miệng rộng nhất) vào việc khám chữa bệnh. Thay vì yêu cầu trẻ há miệng để khám họng, các bác sĩ thường khích lệ các cháu nói "a... a.".

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại các nét "cong kín", “nét móc xuôi" những nét cấu tạo nên chữ a kiểu chữ thường. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét cong kín, nét móc xuôi.  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai?  Nam và Hà đang làm gi?  Hai bạn và cả lớp có vui không?  Vì sao em biết?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lấn: Nam và Hà ca hát)''. Lưu ý, nói chung, HS không tự đọc được những câu nhận biết này; vi vậy, GV cần đọc chậm rãi với tốc độ phù hợp để HS có thể bắt chước.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm a và giới thiệu chữ a (GV: Chú ý trong câu vừa đọc, có các tiếng Nam, và, Hà, ca, hát. Các tiếng này đếu chứa chữ a, âm a (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm a.  - GV viết/ trình chiếu chữ ghi âm a lên bảng.  **3. Đọc HS luyện đọc âm a**  - GV đưa chữ a lên bảng để HS nhận biết chữ này trong bài học.  - GV đọc mẫu âm a. Gv yêu cầu Hs đọc lại.  - GV sửa lỗi phát âm của HS (nếu cần thiết).  - GV có thể kể câu chuyện ngụ ngôn Thỏ và cá sấu để thấy rõ đặc điểm phát âm của âm a, Tóm tắt câu chuyện như sau  Thỏ và cá sấu vốn chẳng ưa gì nhau. Cá sấu luôn tìm cách hại thỏ nhưng lấn nào cũng bị bại lộ. Một ngày nọ, khi đang đứng chơi ở bờ sông, thỏ đã bị cá sấu tóm gọn. Trước khi ăn thịt thỏ, cá sấu ngậm thỏ trong miệng rói rít lên qua kẽ răng: Hu! Hu! Hu! Thỏ liền nghĩ ra một kế. Thỏ nói với cá sấu: “Anh kêu “hu hu hu", tôi chẳng sợ dâu. Anh phải kêu “ha ha ha" thi tôi mới sợ cơ” Cá sấu tưởng thật, kêu to “Ha! Ha! Ha!", thế là thỏ nhảy tót khỏi miệng cá sấu và chạy thoát.  Thỏ thoát chết nhờ những tiếng có âm a ở cuối miệng mở rất rộng. Nếu cá sấu kêu "Ha! Ha! Ha!", miệng cá sấu sẽ mở rộng và thỏ mới dễ bể chạy thoát.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ và hướng dẫn HS quan sát  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nếu quy trình và cách viết chữ a.  - GV yêu cầu Hs viết bảng | * Hs chơi   - Tranh vẽ Nam, Hà và các bạn.  - Nam và Hà đang ca hát.  - Các bạn trong lớp rất vui.  - Các bạn đang tươi cười, vỗ tay tán thưởng, tặng hoa,..)  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  -Một số (4 5) HS đọc âm a, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết chữ a thường (cỡ vừa) vào bảng con, Chú ý liên kết các nét trong chữ a. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ a HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - GV yêu cầu HS đọc thầm a.  - GV đọc mẫu a.  - GV cho HS đọc thành tiếng a theo cả nhân và nhóm, đồng thanh. (Chú ý đọc với ngũ diệu vui tươi, cao và dài giọng.)  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Tranh 1  Nam và các bạn đang chơi trò chơi gi?  Vì sao các bạn vỗ tay reo a"?  Tranh 2  Hai bố con đang vui chơi ở đâu?  Họ reo to "a" vì điều gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Nam và các bạn đang chơi thả diều. Các bạn thích thú vỗ tay reo "a" khi thấy diều của Nam bay lên cao (tranh 1). Hai bố con đang vui chơi trong một công viên nước: Họ reo to "a" vì trò chơi rất thú vị phao tới điểm cuối của cầu trượt, nước bắn lên tung toé (tranh 2).  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh 1  Tranh vẽ cảnh ở đâu?  Những người trong tranh đang làm gì? Theo em, khi vào lớp Nam sẽ nói gi với bố? Theo em, bạn ấy sẽ chào bố như thế nào?  Tranh 2  Khi vào lớp học, Nam nhìn thấy ai đứng ở cửa lớp?  Nhìn thấy cô giáo, Nam chào cô như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 2 tình huống trên (lưu ý thể hiện ngữ điệu và cử chỉ, nét mặt phù hợp).  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm a.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thẩm a.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS: thả diều.  - HS: diều bay cao trong gió  - HS: công viên nước  - Tranh vẽ cảnh trường học.  - HS quan sát.  - HS Tranh vẽ cảnh trường học. Bố chở Nam đến trường học và đang chuẩn bị rời khỏi trường. Nam chào tạm biệt bố để vào lớp. Nam có thể nói: “Con chào bố ạ!", "Con chão bó, con vào lớp ạ!", "Bó ơi, tạm biệt ből", "Bố ơi, bố về nhé!"  - HS: Nam nhìn thấy cô giáo. Nam có thể chào cô:  "Em chào cô ạ!” “Thưa cô, em vào lớp!".  - HS thực hành.  - Hs đóng vai, nhận xét  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Toán

**BÀI 1: CÁC SÔ 0, 1, 2, 3, 4, 5 (Tiết 3)**

**Luyện tập (trang 12,13)**

Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS đếm số lượng các con vật trong mỗi hình và khoanh tròn vào số ứng với số lượng mỗi con vật  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét | - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát đếm  - HS khoanh vào số thích hợp  - HS nhận xét bạn |
| **Bài 2: Tìm câu trả lời đúng**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS đếm số lượng thùng trên xe  a) Vậy cần phải thêm mấy thùng nữa để trên xe có 3 thùng?  Tương tự với câu b) Hs tìm kết quả đúng  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét | - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát đếm  - HS nêu câu trả lời thích hợp  a. A  b. B  - HS nhận xét bạn |
| **Bài 3: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS tìm số thích hợp để điền vào ô trống thích hợp  - GV mời HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS nhắc lại y/c của bài  - HS đếm thêm để tìm số thích hợp  - HS nêu câu trả lời  - HS nhận xét bạn |
| **Bài 4: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu đếm số lượng các sự vật có trong hình và điền vào ô tương ứng vơi mỗi hình  - GV mời HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS nhắc lại y/c của bài  - HS đếm  - HS nêu câu trả lời  - HS nhận xét bạn |
| **Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ ba ngày 12 tháng 9 năm 2023*

Tiếng Việt

**BÀI 2: B b**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng âm b; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm b, thanh huyến; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ b, dấu huyển; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ bị dấu huyển.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm b và thanh huyền có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Gia đình được gợi ý trong tranh.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết những thành viên trong gia đỉnh: ông, bà, bố, mẹ, anh chị em) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tinh yêu thương giữa ông bà và cháu; tình yêu thương giữa con cái với cha mẹ; cảnh gia đình sum họp, đám ẩm...).

- Cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm b: phụ âm môi mói.

- GV cần nắm vững cấu tạo và cách viết chữ ghi âm b.

- Hiểu về một số sự vật:

+ Búp bê: đó chơi thân thiết của trẻ em (nhất là với trẻ em gái), thường được mô phỏng theo hình dáng của bé gái. Búp bê có thể làm từ vài, bông, nhựa..

+ Ba ba: con vật sống ở các vùng nước ngọt, có hình dáng giống rủa nhưng mềm, dẹt, phủ da, không vẩy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ a. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ a.  - HS viết chữ a  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai?  Bà cho bé dó chơi gi?  Theo em, nhận được quà của bà, bé có vui không? Vì sao?  - GV và HS thống nhất cầu trả lời.  - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS dọc theo.  GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bà cho bé búp bê. GV giúp HS nhận biết tiếng có âm b và giới thiệu chữ ghi âm b.  **3. Đọc HS luyện đọc âm b**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ b lên bảng để giúp HS nhận biết chữ b trong bài học.  - GV đọc mẫu âm b (lưu ý: hai môi mim lại rồi đột ngột mở ra).  - GV yêu cầu HS đọc.  - GV có thể giới thiệu bài hát Búp bê bằng bông của tác giả Lê Quốc Thắng (các tiếng đều mở đầu bằng phụ âm b).  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS) ba, bà.  + GV yêu cầu HS đánh vẫn tiếng mẫu ba, bà (bờ a ba; bờ a ba huyển bà). Cả lớp đồng thanh đọc  + Một số (4-5) HS đọc trơn Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa b tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ba, bà, ba ba.  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ba (số 3), GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ ba xuất hiện dưới tranh.  - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ba, đọc trơn từ ba.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với bà, ba ba.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ b và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ b.  - HS viết chữ b, ba, bà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa chữ b và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị tri dấu huyến và khoảng cách giữa dấu huyền với ba khi viết bà.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs chơi  - Hs viết  - Hs: bà và bé  - Hs: búp bê, con vịt  - Hs: bé rất vui  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đọc âm b, từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs quan sát  - Hs nói  - Hs quan sát  - Hs phân tích và đánh vần  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm câu "A, bà”,  - Tìm tiếng có âm b, thanh huyền.  - GV đọc mẫu “A, bà.” (ngữ điệu reo vui).  - HS đọc thành tiếng câu “A, bà." (theo cả nhân và nhóm), cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ những ai?  Bà đến thăm mang theo quà gi?  Ai chạy ra đón bà?  Cô bé có vui không? Vì sao ta biết?  Tình cảm giữa bà và bạn Hà như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu, vào lúc nào?  Gia đình có mấy người? Gồm những ai? Khung cảnh gia đình như thế nào? Vì sao em biết?  - GV và HS thống nhất câu trả lới. (Gợi ý: - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh, giới thiệu về gia đình bạn nhỏ.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - HS liên hệ, kể về gia đình mình.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm b.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - HS viết  - HS nhận xét  - HS đọc thẩm.  - Hs tìm: bà  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS: bà và bé  - HS trả lời.  - HS: bé  - HS: bé rất vui  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời: Tranh vẽ cảnh gia đình, vào buổi tối, mọi người trong nhà dang nghi ngơi, quây quần bên nhau. Gia đình có 6 người: ông bà, bố mẹ và 2 con (một con gái, một con trai). Khung cảnh gia đình rất đầm ấm. Gương mặt ai cũng rạng rỡ, tươi vui; ông bà thư thái ngói ở ghế, mẹ bê đĩa hoa quả ra để cả nhà ăn, bố rót nước mời ông bà; bé gái chơi với gấu bông, bé trai chơi trò lái máy bay,.)  - Hs thực hiện  - Hs thể hiện, nhận xét  - Hs kể  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Tự nhiên và Xã hội

**BÀI 2: NGÔI NHÀ CỦA EM (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS sẽ:

-Nêu được địa chỉ nhà, giới thiệu được một cách đơn giản về ngôi nhà của mình

- Phát hiện được nhiều loại nhà ở khác nhau thông qua quan sát hình trong SGK

- Xác định được vị trí, đặc điểm các phòng trong nhà.

- Nhận biết được chức năng của từng phòng trong ngôi nhà

- Yêu quý, biết cách sắp xếp phòng ở và ngôi nhà của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV:

+ Phóng to hình trong SGK (nếu )

+ Chuẩn bị một số tranh ảnh về các loại nhà ở của gia đình ở miền núi, đồng bằng, của đồng bào các dân tộc (Tây Nguyên, miền núi phía bắc)

- HS:

+ Giấy màu, bút màu, kéo nhỏ, hồ dán

+ Sưu tầm một số tranh ảnh về nhà ở, đồ vật (đồ chơi) về cách loại đồ dùng trong gia đình.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Mở đầu: Khởi động**  - GV tổ chức cho HS giải câu đố rồi dẫn dắt vào tiết học mới.  Câu đố (sưu tầm)  Cái gì để tránh nắng mưa  Đêm được an giấc xưa nay vẫn cần?  (Là cái gì)  Cái gì để trú nắng mưa,  Mà ai cũng biết từ xưa đến giờ?  (Là cái gì?)  **2. Hoạt động khám phá**  **Hoạt động 1**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK và trả lời những câu hỏi:  +Nhà bạn Minh ở đâu?  +Quang cảnh xung quanh có đặc điểm gì?),  -Kết luận: Nhà của Minh ở trong khu chung cư cao tầng, xung quanh có nhà phố (nhà liền kề), đường phố, sân chơi, bãi cỏ, …  Yêu cầu cần đạt: Thông qua quan sát của HS nói được địa chỉ và mô tả được quang cảnh xung quanh ngôi nhà Minh ở.  **Hoạt động 2**  - Yêu cầu quan sát các loại nhà ở trong SGK và thảo luận  H. Những kiểu nhà dưới đây có gì khác nhau?  -GV kết luận: Có nhiều kiểu nhà ở khác nhau: nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc, nhà ở nông thôn; nhà ở vùng đồng bằng sông Cửu Long…và đặc điểm không gian xung quanh của từng loại nhà ở,  - GV giải thích cho HS hiểu vì sao có các loại nhà khác nhau.  - GV giới thiêu tranh ảnh một số loại nhà khác  -Khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh về nhà ở và giới thiệu cho nhau.  -Từ đó, rút ra kết luận: Nhà ở là nơi sống và làm việc của mọi người, là tổ ấm của gia đình.  Yêu cầu cần đạt: Nhận biết và nêu được đặc điểm một số loại nhà ở khác nhau.   1. **Hoạt động thực hành**   GV hướng dẫn cho HS làm việc nhóm:  + Các em nói với nhau địa chỉ, đặc điểm và quanh cảnh xung quanh ngôi nhà của mình. –Yêu cầu HS so sánh được nhà mình giống kiểu nhà nào trong SGK.  Yêu cầu cần đạt: HS nói được địa chỉ và giới thiệu khái quát được không gian xung quanh nhà ở của mình.   1. **Hoạt động vận dụng**   - GV hướng dẫn từng HS về thiệp mời sinh nhật, trang trí và tô màu rồi gửi đến bạn của mình, nói địa chỉ nhà mình.  Yêu cầu cần đạt: HS nhớ được đỉa chỉ nhà ở của mình.   1. **Đánh giá**   - HS nêu được địa chỉ nhà ở và nhận thức được nhà ở là không gian sống của mọi người trong gia đình và có nhiều loại nhà ở khác nhau.   1. **Hướng dẫn về nhà**   - Chuẩn bị tranh, ảnh, đồ vật (đồ chơi) về các loại đồ dùng trong nhà.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài tiết sau | - HS theo dõi  - HS trả lời  - HS trả lời   * - HS quan sát   - HS: nhà Minh ở trong khu chung cư cao tầng, xung quanh có nhà phố, đường phố, sân chợi,…  - HS lắng nghe  - HS quan sát và thảo luận, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS theo dõi  - HS giới thiệu tranh, ảnh sưu tầm  - HS lắng nghe  -HS thảo luận và làm việc nhóm  - HS thực hiện  - HS làm thiệp  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ tư ngày 13 tháng 9 năm 2023*

Tiếng Việt

**BÀI 3: C c**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng ảm c; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm c, thanh sắc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ c, dấu sắc; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ c, dấu sắc.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm c và thanh sắc có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật Nam, nhân vật Hà trong mối quan hệ với bố, bà; suy đoán nội dung tranh minh hoạ: “Nam và bố cấu cá”, “A, cá, và tranh “Chào hỏi" .

- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm c; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ, dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ ca, cà, cá trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS đọc b, bà  - HS viết chữ b  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  - Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam và bố cầu cá.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm c, thanh sắc giới thiệu chữ ghi âm c, dấu sắc.  **3. Đọc HS luyện đọc âm c**  **a. Đọc âm c**  - GV đưa chữ c lên bảng để giúp HS nhận biết chữ c trong bài học.  - GV đọc mẫu âm c.  - GV yêu cầu HS đọc âm, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): ca, cá.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mỏ hình và đọc thành tiếng ca, cá.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu ca, cả (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá).  - Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa c  - GV yêu cầu HS tìm chữ a thêm với chữ c để tạo tiếng ca.  - GV yêu cầu HS tìm chữ và dấu huyền ghép với chữ c để tạo tiếng cà.  - GV yêu cầu HS tim chữ a và dấu sắc ghép với chữ c để tạo tiếng cả.  - GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng. 2 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ca, cà, cả. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh,  - GV cho từ ca xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ca, đọc trơn tử ca. GV thực hiện các bước tương tự đối với cả, cá.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp doc đóng thanh một số lắn.  d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ c và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ c.  - HS viết chữ c, ca, cà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa chữ c và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị tri dấu huyến và khoảng cách giữa dấu huyền với ca khi viết cà.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs đọc  - HS viết bảng con  - Hs: Hai bố con đi câu cá  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm c, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu ca, cá (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá).  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Hs tự tạo  - Hs tìm  - Hs tìm  - Hs tìm  - Hs phân tích  - Hs quan sát  - Hs nói  - Hs quan sát  - Hs phân tích và đánh vần  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm của "A, cá”,  - Tìm tiếng có âm c, thanh sắc.  - GV đọc mẫu “A, cá.” (ngữ điệu reo vui).  - HS đọc thành tiếng câu “A, cá." (theo cả nhân và nhóm), cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Bà và Hà đang ở đâu?  Hà nhìn thấy gi dưới hố?  Hà nói gì với bà?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Em nhìn thấy ai trong tranh?  Nam đang ở đâu?  Theo em, Nam sẽ nói gì khi gặp bác bảo vệ?  Nếu em là bác bảo vệ, em sẽ nói gì với Nam?  - GV giới thiệu nội dung tranh 1: Bạn Nam vai đeo cặp, đang đi vào trường. Nhin thấy bắc bảo vệ, Nam Khảo: Cháu chảo bác ạ. Bác bảo vệ tươi cười chào Nam: Bác chào cháu.  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu?  Có những ai trong tranh?  Nam đang làm gi?  Em thủ đoán xem Nam sẽ nói gì với các bạn?  Theo e các bạn trong lớp sẽ nói gì với Nam?  - GV giới thiệu nội dung tranh 2: Tranh vẽ cảnh lớp học trước giờ học. Trong lớp đã có một số bạn. Nam, vai đeo cập, mặt tươi cười, bước vào lớp và giơ tay vẫy chào các bạn. Nam nói: Chào các bạn! Một bạn trong lớp cũng giơ tay lên chào lại: Chào Nam!  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm c.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở  - Hs viết  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: cá  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe  - Hs thực hiện  - Hs thể hiện, nhận xét  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Toán

**BÀI 2: CÁC SÔ 6, 7, 8, 9, 10 (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức.**

- Đọc, đếm, viết được các số trong phạm vi 10.

- Sắp xếp được các số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

**2. Phát triển năng lực**

- Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Xúc sắc, mô hình, vật liệu......

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài : | - Hát  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá**  - GV cho HS quan sát tranh:  ? Trong bức tranh có những con vật hay đồ vật gì?  - GV cho HS làm quen với với số lượng và nhận mặt các số từ 6 đến 10  - Giới thiệu: Có 6 con ong.  - Viết số 6 lên bảng  - GV thực hiện việc đếm và giới thiệu số tương tự với các bức tranh còn lại. | - HS quan sát |
| **3.Hoạt động**  **Bài 1: Tập viết số.**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV chấm các chấm theo hình số lên bảng  - GV hướng dẫn HS viết các số theo chiều mũi tên được thể hiện trong SGK.  - GV cho HS viết bài | - HS theo dõi  - HS quan sát  - Theo dõi hướng dẫn của GV  - HS viết vào vở BT |
| **Bài 2: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS đếm số lượng các loại bánh xuất hiện trong hình vẽ và nêu kết quả  - Gv nhận xét, kết luận | - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát đếm  - HS nêu miệng  - HS nhận xét bạn |
| **Bài 3:Tìm câu trả lời đúng**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS đếm thêm để tìm ra phương án đúng | - HS nêu  - HS trả lời: a. B b. A |
| **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số các số vừa học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ năm ngày 14 tháng 9 năm 2023*

**Đạo đức**

**Chủ đề 1: TỰ TIN CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**Bài 2: Em giữ sạch răng miệng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Tự thực hiện giữ vệ sinh răng miệng đúng cách.

**b. Năng lực đặc thù**

**+Năng lực điều chỉnh hành vi**

- NL nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được các việc cần làm để giữ sạch răng miệng; trình bày được vì sao phải làm như thế.

- NL điều chỉnh hành vi: Tự thực hiện được giữ vệ sinh răng miệng đúng cách.

**+Năng lực phát triển bản thân**

- Thực hiện các việc chăm sóc bản thân như giữ sạch răng miệng, biết vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể, ăn mặc gọn gàng,...

- Tự tìm hiểu thêm một số cách để chăm sóc bản thân nói chung, giữ sạch răng miệng nói riêng qua việc học bạn, người thân, những người xung quanh, thầy cô,....

**2.Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thường xuyên thực hiện các công việc để giữ sạch răng miệng, có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, SGV, Vở bài tập đạo đức. Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười/mặt mếu. Âm nhạc (Bài hát “Anh Tí sún” – Sáng tác Hùng Lân). Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint.

- HS: SGK, vở bài tập đạo đức lớp 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS xem video và hát bài hát “Anh Tí sún”  <https://www.youtube.com/watch?v=eZxTf7bJBls>  dd2  *+ Trong bài hát, bạn Tí có hàm răng như thế nào?*  *+ Vì sao bạn Tí bị sâu răng?*  *+ Em sẽ khuyên bạn Tí điều gì để không bị sâu răng?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Kết luận**: Chúng ta cần giữ vệ sinh răng miệng để có nụ cười xinh.  - GV giới thiệu, ghi tên bài.  **2. Khám phá**  **HĐ1. Khám phá lợi ích của việc giữ vệ sinh răng miệng**  - GV đưa tranh và yêu cầu HS nêu nội dung tranh.  dd2  - GV đặt câu hỏi:  *+ Bạn nào đã biết giữ vệ sinh răng miệng?*  *+ Vì sao em cần giữ vệ sinh răng miệng?*  *+ Không biết giữ vệ sinh răng miệng có thể dẫn đến hậu quả gì?*  **Liên hệ:** Bạn nào thường xuyên vệ sinh răng miệng?  - Nhận xét, tuyên dương  **Kết luận:** Bạn gái trong tranh đã biết giữ vệ sinh răng miệng bằng cách đánh răng hằng ngày.  - Vệ sinh răng miệng giúp em có hơi thở thơm tho và nụ cười xinh.  - Không chăm chỉ vệ sinh răng miệng có thể khiến răng bị sâu, bị đau.  **HĐ2. Em đánh răng đúng cách**  - GV đưa 6 bức tranh trang 8, yêu cầu HS nêu nội dung tranh.  dd2  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm trong vòng 3 phút về các bước đánh răng.  - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh ai đúng”: HS thi nhau lên gắn tranh theo thứ tự các bước chải răng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV tổng kết lại các bước chải răng như sau:  1. Chuẩn bị bàn chải và kem đánh răng.  2. Lấy kem đánh răng ra bàn chải.  3. Lấy nước.  4. Sử dụng bàn chải để vệ sinh mặt trong, mặt ngoài, mặt nhai của răng.  5. Súc miệng bằng nước sạch.  6. Vệ sinh bàn chải đánh răng và cất đúng nơi quy định.  - **Mở rộng:** GV lưu ý thời hạn sử dụng tốt nhất của bàn chải là từ 1 tháng đến 1,5 tháng. Sau khi chải xong thì rửa sạch bàn chải rồi đặt bàn chải theo chiều đứng với lông bàn chải hướng lên trên và đặt nơi khô ráo.  *+ Ở nhà, khi chải răng các em đã làm những bước nào?*  *+Em hãy nêu cách em chải răng mỗi ngày?*  - GV cho HS tự nhận xét, khích lệ những em nêu cách chải răng chưa đúng và chỉ ra một số thao tác chải răng sai thường gặp ở trẻ như đưa bàn chải ngang mặt răng, thường chải mặt ngoài của răng, không chải mặt trong răng, không chải lưỡi, súc miệng qua loa,...  - GV hướng dẫn cho HS cách chải răng đúng bằng đoạn phim hoạt hình “Đánh răng đúng cách”  <https://www.youtube.com/watch?v=6bXqikZPNT4>  **Kết luận:**Chải răng đúng cách giúp em giữ vệ sinh răng miệng để có hàm răng chắc khỏe.  - Cho HS thực hành đánh răng giả tưởng với ly và bàn chải có sẵn trong lớp bằng cách tổ chức “Ngày hội răng xinh”  **3. Luyện tập**  **HĐ1. Em chọn bạn biết giữ vệ sinh răng miệng**  - GV treo 4 tranh trang 9, cho HS nêu nội dung tranh.  *+ Bạn nào đã biết giữ vệ sinh răng miệng? Vì sao?*  dd2  - Khi HS nói về tranh 4, GV có thể mở rộng:  *+ Em sẽ nói gì với bạn?*  *+ Em sẽ làm gì trong tình huống này?*  - **Kết luận:** Em cần thực hiện những hành động giữ vệ sinh răng miệng sạch sẽ hằng ngày như: đánh răng vào buổi sáng sau khi thức dậy, buổi tối trước khi đi ngủ, cần dùng chỉ nha khoa để làm sạch các kẽ răng. Em không học theo hành động không đánh răng của bạn trong tranh 4.  **HĐ2. Chia sẻ cùng bạn**  - GV cho HS chia sẻ với nhau về cách em giữ vệ sinh răng miệng.  - GV tổ chức trò chơi “Phóng viên nhí”  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng**  **HĐ1. Đưa ra lời khuyên cho bạn**  - GV đưa tranh, yêu cầu HS quan sát tranh và nêu nội dung tranh.  *+ Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? Vào thời gian nào?*  *+ Em sẽ khuyên bạn điều gì?*  - GV cùng HS chọn ra lời khuyên hay nhất.  **Kết luận:**Chúng ta không nên ăn kẹo trước khi đi ngủ vì sẽ khiến răng của chúng ta bị sâu.  **HĐ2. Em luôn vệ sinh răng miệng sạch sẽ hằng ngày**  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi các việc làm để giữ sạch vệ sinh răng miệng.  - Gọi HS chia sẻ thông qua trò chơi “Bắn tên”. Mỗi bạn sẽ chia sẻ 1 việc làm để giữ sạch vệ sinh răng miệng.  **Kết luận:**Em luôn giữ răng miệng sạch sẽ hằng ngày để có nụ cười xinh, hơi thở thơm tho.  ***Thông điệp***  - Gọi HS nhắc lại tên bài học.  - GV đọc thông điệp:  *Bạn ơi hãy nhớ*  *Chải răng mỗi ngày*  *Hai lần sáng, tối*  *Nụ cười thêm xinh.*  - Nhắc nhở HS về nhà thực hiện giữ vệ sinh răng miệng hằng ngày, nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. | - HS xem và hát theo.  - HS trả lời cá nhân.  - HS lắng nghe  - HS nhắc tên bài.  - HS quan sát tranh và nêu.  - HS trả lời.  - HS trả lời  - Nhận xét.  - Lắng nghe.  - HS nêu.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe và nhắc lại.  - HS trả lời cá nhân.  - HS xem phim.  - HS thực hiện.  - HS nêu.  - HS trả lời, nêu lí do.  Bạn biết giữ vệ sinh răng miệng:  Tranh 1: Đánh răng sau khi thức dậy.  Tranh 2: Đánh răng trước khi đi ngủ.  Tranh 3: Dùng chỉ nha khoa làm sạch răng.  Bạn chưa biết giữ vệ sinh răng miệng:  Tranh 4: Bạn từ chối đánh răng.  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - Các nhóm lên chia sẻ.  - Nhận xét.  - HS quan sát.  - HS trả lời cá nhân.  - HS thảo luận đưa ra lời khuyên.  + Bạn ơi! Không nên ăn kẹo trước khi đi ngủ vì sẽ sâu răng đấy.  + Bạn ơi! Nên đánh răng trước khi đi ngủ.  + Bạn ơi! Vào buổi tối chúng mình không nên ăn kẹo nhé!  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ các việc làm của bản thân hay mới được khám phá.  - Lắng nghe  - HS nhắc lại.  - HS đọc.  - HS thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Tiếng Việt

**BÀI 4: E e, Ê ê**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng âm e, ê; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu có âm e, ê; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ e, ê; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa e, ê.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chửa âm e, có trong bài học.

- Phát triển triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm được gợi ý trong tranh Trên sân trường.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật bà, mẹ, bé và bạn bè, suy đoán nội dung tranh minh hoạ: "Bé kể mẹ nghe về bạn bè, “Bà bế bé và tranh “Trên sân trường”.

-Cảm nhận được tình cảm gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm e; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ , dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS đọc: c, cá  - HS viết chữ c  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Em thấy gì trong tranh? Bé kể cho mẹ nghe những chuyện gì về bạn bè?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bé kể mẹ nghe về bạn bè.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm e, giới thiệu chữ ghi âm e, ê.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ e lên bảng để giúp HS nhận biết chữ e trong bài học.  - GV đọc mẫu âm e  - GV yêu cầu HS đọc âm e sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  + Âm ê ()tương tự e)  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): bé, bế.  - GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bé, bế.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ- e- be- sắc- bé; bờ- ê –bé- sắc- bế)  - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa e  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu huyển để tạo tiếng bè.  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu sắc để tạo tiếng bé.  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ ế và dấu sắc để tạo tiếng bé.  - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ bè, bé, bế. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ bè xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bè, đọc trơn tử bè. GV thực hiện các bướctương tự đối với bé, bế.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đóng thanh một số lắn.  d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ e, chữ ê và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ e, chữ ê.  - HS viết chữ e, bè, bé, bế (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng và liên kết các nét giữa chữ e, ê và các chữ khác.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs đọc  - Hs viết bảng con  - Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 -5) HS đọc âm e sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ e be sắc bé; bờ ê bé sắc bế)  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Hs tự tạo  - Hs tìm  - Hs tìm  - Hs tìm  - Hs phân tích  - Hs quan sát  - Hs nói  - Hs quan sát  - Hs phân tích và đánh vần  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ e, chữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc câu**  - HS đọc thầm của "Bà bế bé”,  - Tìm tiếng có âm e, ê.  - GV đọc mẫu Bà bế bé.  - HS đọc thành tiếng câu “Bà bế bé” (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Ai đang bế bé?  Vẻ mặt của em bé như thế nào?  Vẻ mặt của bà như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu?  Vào lúc nào?  Có những ai trong tranh?  Các bạn đang làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV có thể mở rộng, dặn dò HS vui chơi trong giờ ra chơi, nhưng chú ý bảo đảm an toàn cho mình và cho bạn.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm e,ê.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ e, hữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: bé, bế  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS: … sân trường  - HS: giờ ra chơi  - HS: học sinh  - HS: đang chơi, nhảy dây, đá cầu, đuổi bắt,đọc sách,…  - Hs lắng nghe  - Hs thực hiện  - Hs thể hiện, nhận xét  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Toán ( Luyện Tập)**

**Các số 6,7,8,9,10 ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Giúp HS:**

- HS nhận biết được các số 6,7,8,9,10.

- HS viết được các số 6,7,8,9,10.

- Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV: Tranh, ảnh/ 10,11, phiếu BT.

HS: VBT, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động( 7’)** | |
| **1.Khởi động**: HS hát  **2. Bài cũ:**  - GV đọc bất kì các số từ 0-5 HS đã học, HS viết vào bảng con.  - GV yêu cầu 2 HS đọc lại.  - GV nhận xét, tuyên dương | * HS hát * HS viết * HS đọc |
| **Luyện tập ( 25’)** | |
| GV yêu cầu HS mở VBT toán.  **Bài 1/ 10:**  - GV đọc yêu cầu  - HS Làm việc cá nhân.  - GV nhận xét HS viết số, tuyên dương.  **Bài 2/ 10**  - GV đọc yêu cầu  - HS làm việc theo cặp  - GV nhận xét HS viết số, tuyên dương.  **Bài 3/11**  GV đọc yêu cầu  GV cho HS làm BT vào phiếu BT  HS làm việc theo cặp  - GV thu, chấm, nhận xét HS, tuyên dương.  **Bài 4/11**  - GV đọc yêu cầu  - GV cho HS làm cá nhân tô màu vào số bông hoa.  - HS làm cá nhân  - GV quan sát, nhận xét HS, tuyên dương. | **Bài 1:**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS viết số * HS nhận xét bài bạn   **Bài 2:**   * HS lắng nghe và thực hiện   Hình 1: 6  Hình 2: 7  Hình 3: 8  Hình 4: 9  Hình 5: 10   * HS cùng trao đổi kết quả   **Bài 3:**   * HS lắng nghe và thực hiện   Hình 1: 7  Hình 2: 9  Hình 3: 10  Hình 4: 8  Hình 5:6  **Bài 4:**   * HS lắng nghe và thực hiện   Hàng 1: 9 bông hoa  Hàng 2: 8 bông hoa  Hàng 3: 10 bông hoa  Hàng 4: 7 bông hoa  Hàng 5: 6 bông hoa |
| **Vận dụng (3’)** | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - HS cho HS đọc, viết lại các số 6,7,8,9,10 vào bảng con.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Tiếng Việt

**LUYỆN VIẾT A, B**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố về đọc, viết các âm a, b đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở 4 ô li.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  a, b, ba bà  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  a, b, ba bà. Mỗi chữ 3 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm chữa bài:**  - GV chấm chữa vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Tiếng Việt

**LUYỆN VIẾT C, E, Ê**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố về đọc, viết các âm c, e,ê đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở 4 ô li

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  c, e, ê, bé, bê, ca  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  c, e, ê, bé, bê, ca . Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm chữa bài:**  - GV chữa chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 2 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Tự nhiên và xã hội

**BÀI 2: NGÔI NHÀ CỦA EM (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS sẽ:

-Nêu được địa chỉ nhà, giới thiệu được một cách đơn giản về ngôi nhà của mình

- Phát hiện được nhiều loại nhà ở khác nhau thông qua quan sát hình trong SGK

- Xác định được vị trí, đặc điểm các phòng trong nhà.

- Nhận biết được chức năng của từng phòng trong ngôi nhà

- Yêu quý, biết cách sắp xếp phòng ở và ngôi nhà của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV:

+ Phóng to hình trong SGK (nếu )

+ Chuẩn bị một số tranh ảnh về các loại nhà ở của gia đình ở miền núi, đồng bằng, của đồng bào các dân tộc (Tây Nguyên, miền núi phía bắc)

- HS:

+ Giấy màu, bút màu, kéo nhỏ, hồ dán

+ Sưu tầm một số tranh ảnh về nhà ở, đồ vật (đồ chơi) về cách loại đồ dùng trong gia đình.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đầu: Khởi động**  - GV đọc bài thơ/ đoạn thơ về ngôi nhà ( chọn bài thơ Em yêu nhà em (Sáng tác: Đoàn Thị Lam Luyến)) rồi dẫn dắt vào tiết học.  **2. Hoạt động khám phá**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc phóng to (treo trên bảng).  - Đưa ra câu hỏi gợi ý để HS nhận biết nội dung hình:  + Nhà Minh có những phòng nào?  + Kể tên đồ dùng trong mỗi phòng? ...)  -Từ đó rút ra kết luận: Nhà Minh có 4 phòng: phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp và phòng vệ sinh. Mỗi phòng có các loại đồ dùng cần thiết và đặc trưng khác nhau. Việc mua sắm những đồ dùng đó phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý:  + Phòng khách để làm gì?  + Có những đồ dùng nào?  + Phòng khách khác phòng bếp ở những điểm nào? ...).  - Từ đó rút ra kết luận: Nhà ở thường có nhiều phòng, mỗi phòng có một chức năng khác nhau để phục vụ sinh hoạt thường ngày của các thành viên trong gia đình.  Yêu cầu cần đạt: Nhận biết được các phòng và chức năng của từng phòng trong ngôi nhà.  **3. Hoạt động thực hành**  -GV cho HS kể tên các đồ dùng ở hoạt động này và sắp xếp các đồ dùng đó vào các phòng (phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp, nhà vệ sinh) cho phù hợp.  Yêu cầu cần đạt: Biết được những đồ dùng đặc trưng của từng phòng.  **4. Hoạt động vận dụng**  - GV gợi ý để HS liên hệ với nhà ở của mình +Nhà em có gì khác với nhà Minh? Nhà em có mấy phòng?  +Đó là những phòng nào?  +Có phòng nào khác không?)  - Khuyến khích HS giới thiệu về căn phòng mà em thích nhất ở gia đình mình và nêu được lý do  - Yêu cầu HS kể được những việc làm để sắp xếp phòng ngăn nắp, sạch sẽ.  Yêu cầu cần đạt: Nêu được sự khác nhau giữa các phòng trong ngôi nhà.  **5. Đánh giá**  - Yêu quý ngôi nhà của mình và biết giữ gìn các đồ dùng trong gia đình  - GV tổ chức cho HS thực hành về ngôi nhà mơ ước của mình và giới thiệu trước lớp.  **6. Hướng dẫn về nhà**  - Vẽ bức tranh ngôi nhà mơ ước và dán vào góc học tập của em.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS lắng nghe  - HS quan sát  - 2,3 HS trả lời  -HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  -Nhóm khác theo dõi, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS: để tiếp khách, nghỉ ngơi sau ngày lao động,…  - đồng hồ, quạt, ti vi,…  - …  - 2,3 HS trả lời  - HS giới thiệu  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS lắng nghe, thảo luận |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Thứ sáu ngày 15 tháng 9 năm 2023**

**Toán**

**Bài 2:Các số 6, 7, 8, 9, 10**

**(3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học:

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+ Nhận biết được các số trong phạm vi 10

+ Dựa trên các tranhsắpxếp được các số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

+Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

+Bước đầu làm quen với số lượng và nhận mặt các số trong phạm vi 10.

+Biết đọc, đếm, viết ,sắp xếp được các số trong phạm vi 10.

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Xúc sắc, mô hình vật liệu......

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1: Số**  **-** Nêu yêu cầu bài tập  - GV giới thiệu tranh  - Yêu cầu học sinh kiểm tra đáp an được đưa ra trong SGK (Hình 1). Sau đó nêu đáp án các hình còn lại.  Description: 16  Nhận xét, kết luận  **Bài 2: Số?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Gv hướng dẫn học sinh đếm theo thứ tự số  H1: 0,1, 2, 3, 4, ?, 6, ?, ?, 9, ?  H2: 10, ?, 8, 7, ?, 5, ?, 3, ?, 1  - GV nhận xét, kết luận  Bài 3: Có bao nhiêu con vật có 6 chân  -Nêu yêu cầu bài tập  - Hướng dẫn HS đếm và nêu số con vật có 6 chân.  Description: 14  - GV nhận xét bổ sung  **Bài 4: Số?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Giới thiệu tranh  - Yêu cầu HS đếm các con vật có trong tranh  - GV yêu cầu Hs báo cáo - kết quả  Description: 13  - GV nhận xét, bổ sung  Củng cố, dặn dò  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số các số vừa học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS nêu yêu cầu  - HS quan sát  - HS đếm, nêu đáp án hình 1: 3 con thiên nga  - HS nhận xét bạn  - Nêu đáp án các hình còn lại:  Hình 2 có 6 con  Hình 3: 10 con  Hình 4: 7 con  Hình 5: 4 con  Hình 6: 8 con  - Nhận xét  - HS đếm và nêu số cần điền:  H1: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, ?  H2: 10, 9, 8, 7 , 6, 5, 4, 3, 2, 1  - Nhận xét  - HS nêu  - HS đếm và nêu: Có 3 con vật có 6 chân  -HS nhận xét  - HS nhắc lại yêu cầu  - Quan sát tranh  -HS làm việc theo nhóm: Đếm các con vật có trong tranh rồi nêu kết quả  - Đại diện nhóm trả lời: 6 con thỏ, 9 con vịt, 8 cây, 1 mặt trời, 7 đám mây, 0 con chim.  - HS nhận xét  - Biết số lượng và thứ tự các số trong phạm vi 10.  - HS lắng nghe. |

**Tiếng Việt**

**Luyện tập:**

**BÀI 2: B b**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

- Biết và đọc đúng âm b; đọc đúng tiếng, từ ngữ,câu có âm b, thanh huyền.

- Viết đúng chữ b, thanh huyền; viết đúng tiếng, từ ngữ có chữ b, thanh huyền

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ có âm b và thanh huyền.

- Phát triển kĩ năng quan sát nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua các tình huống.

- Cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp trong gia đình.

**II. DỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV:- VBT, tranh ảnh.

HS: - VBT, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**   * GV cho HS hát.   **2.Bài cũ.**  - GV cho HS viết bảng con chữ “b”  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Luyện tập**  - GV yêu cầu HS mở vở BT Tiếng Việt  **Bài 1:**   * GV nêu yêu cầu bài tập. * GV hướng dẫn: Các em hãy nối bức tranh chứa tiếng có âm “ b”với chữ “ b”cho sẵn trong vở. * GV nhận xét, chữa bài.   **Bài 2:**   * GV nêu yêu cầu bài tập * GV hướng dẫn: các em hãy tô màu bất kì vào quả bóng chứa âm “ a” nhé. * GV nhận xét, tuyên dương.   **Bài 3:**   * GV nêu yêu cầu bài tập * GV hướng dẫn: các em hãy quan sát tranh vẽ gì rồi chọn “a” hoặc “b” điền vào chỗ chấm để được từ ngữ phù hợp với bức tranh nhé. * GV nhận xét, tuyên dương.   **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV cho HS đọc viết lại chữ “ b” và thanh huyền vào bảng con.  - Dặn HS về đọc lại bài và xem trước bài sau.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS hát * HS viết bảng con   -HS lắng nghe  - HS làm cá nhân.  - HS thực hiện vào VBT  -HS lắng nghe  - HS làm phiếu nhóm đôi.  - 2 nhóm lên dán bảng, các nhóm nhận xét.  Đáp án: ca, cá, bà.  -HS lắng nghe  - HS làm phiếu nhóm.  - Đại diện ba nhóm lên điền trên bảng lớn, các nhóm khác nhận xét.  Đáp án: Tranh 1: bà  Tranh 2: ba ba  Tranh 3: ba   * HS thực hiện vào bảng con và đọc đồng thanh. * HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 5:Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ tự học: Tự hoàn thành công việc học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm vững cách đọc: *a, b, c, e, ê, thanh huyền, thanh sắc*; các từ ngữ và câu có chứa *a, b, c, e, ê, thanh huyền, thanh sắc.*

+ Phát kĩ năng viết thông qua các từ ngữ chứa một số âm – chữ đã học.

+ Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện được nghe.

**2. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: Rèn luyện ý thức làm việc nhà thông qua nội dung chuyện kể Búp bê và dế mèn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm a, b, c, e, ê; cấu tạo và cách viết các chữ a, b, , , =, dấu huyền, dấu sắc nghĩa của các từ ngữ: ba bà, ba bé, cá bé, bê cá, bế bé trong bài học và cách giải thich nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ dễ nhầm lẫn: bế bé (mang em bé bằng cách dùng tay đỡ và giữ cho sát vào lòng).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết chữ a,b,c,e,ê  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả câu (theo cả nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS tỏ và viết chữ số (6, 7, 8, 9, 0) và cụm từ bế bê vào vở Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian.  - GV lưu ý HS cách nói nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - Hs viết  - Hs ghép : ba, be, bê, ca  - Hs đọc cá nhân , cả lớp.  - HS đọc: bà, bé, bè, bế, cà , cá  - HS đọc:nối tiếp ba bà, be bé, cá bé, bè cá, bế bé cá nhân, lớp  - HS đọc  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs viết  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |
| **TIẾT 2** | |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  **BÚP BÊ VÀ DẾ MÈN**  Búp bê làm rất nhiếu việc: quét nhà, rửa bát, nău cơm. Lúc ngồi nghi, búp bê bỗng nghe thấy tiếng hát. Búp bê hỏi:  -Ai hắt đấy?  Có tiếng trả lời:  - Tôi hát đây. Tôi là dễ mèn. Thấy bạn bận rộn, vất vả, tôi hát để tặng bạn đấy.  Búp bê nói:  - Cảm ơn bạn! Tiếng hát của bạn đã làm tôi hết mệt đấy.  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến nghe thấy tiếng hát. GV hỏi HS:  1. Búp bê làm những việc gì?  2. Lúc ngồi nghi, búp bê nghe thấy gì?  Đoạn 2: Tiếp theo đến để tặng bạn đấy. GV hỏi HS:  3. Tiếng hát búp bé nghe thấy là của ai?  4. Vì sao dế mền håt tặng búp bê  Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  5. Búp bê thấy thế nào khi nghe dě mẹ hát?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc  bạn bè câu chuyện Búp bè và dễ mền. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cán nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Hs : quét nhà, rửa bát, nấu cơm.  - Hs : búp bê nghe tiếng hát  - Hs : dế mèn  - thấy búp bê bận rộn , vất vả  - Hs : thấy hết mệt  - Hs kể  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Trải nghiệm**

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 1 **“Chào năm học mới”**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

- HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của tổ mình trong tuần qua.  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của ban cán sự lớp; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-**Lớp trưởng yêu cầu các tổ trưởng dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề “Kể về những người bạn em đã làm quen”**  -GV yêu cầu HS xung phong kể xem đã làm quen được với bao nhiêu bạn và những thông tin cụ thể về từng người mà mình đã làm quen  -GV yêu cầu các bạn lắng nghe và có thể hỏi lại  -GV khích lệ các bạn nhút nhát, chưa tự tin tham gia chia sẻ  -GV khen ngợi các em đã vận dụng tốt kĩ năng làm quen với bạn mới.  **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  ***-Tốt***: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:  + Trật tự. Tập trung, lắng nghe thầy cô giảng bài.  + Lắng nghe ý kiến bạn phát biểu  + Thực hiện yêu cầu của thầy cô.  + Tích cực tham gia các hoạt động.  + Tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài.  + Ngồi học đúng tư thế  + Chơi hữu ích. Chơi hòa đồng, không phân biệt.  + Chơi các trò chơi lành mạnh  + Chơi những trò chơi an toàn.Chơi ở những nơi an toàn như sân trường, hành lang, lớp học.  + Giao tiếp lịch sự.Vào lớp đúng giờ  + Giữ vệ sinh chung, vứt rác đúng nơi quy định.  ***-Đạt:*** Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  ***-Cần cố gắng:*** Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  -Có sáng tạo trong khi thực hành hay không?  -Có thực hiện được các việc nên làm hay không?  -Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm, … hay không?  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4.Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.  -Các tổ trưởng nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà tổ trưởng đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở các cá nhân, nhóm, cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  + Lần lượt các Tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Lớp trưởng : *Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.*  - HS nghe.  - Các tổ thực hiện theo.  - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - HS chia sẻ  - Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.  *Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa?* (Cả lớp trả lời)  - Lớp trưởng: *Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.*  - Lớp trưởng: *mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến*.  -HS tham gia  -HS lắng nghe  -HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Bài 2: Đèn tín hiệu giao thông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Biết ý nghĩa hiệu lệnh của các tín hiệu giao thông, nơi có tín hiệu đèn giao thông.Có phản ứng đúng với tín hiệu giao thông.

- Xác định vị trí của đèn giao thông ở những phố có đường giao nhau, gần ngã ba, ngã tư, Đi theo đúng tín hiệu giao thông để bảo đảm an toàn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : Tranh vẽ phóng to

- HS: Sách giáo khoa.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

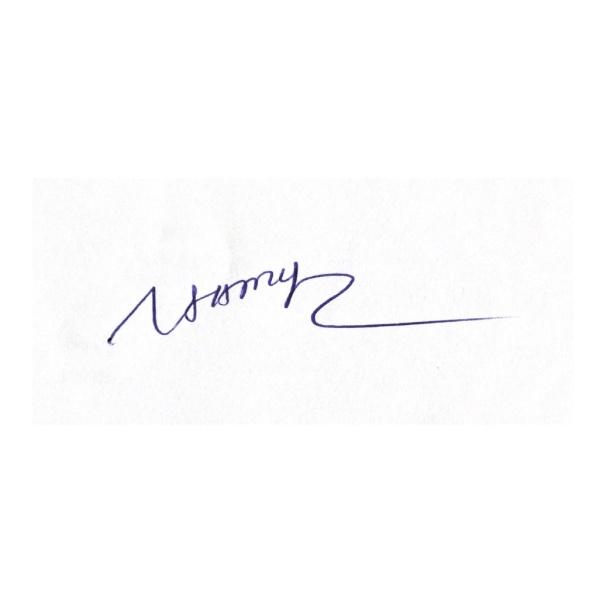
|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS |
| **TIẾT 1:**  **1. Hoạt động Mở đầu**  **Hoạt động khởi động:**  -Giáo viên cho học sinh nghe bài hát: Đường tín hiệu giao thông .  - Đèn tín hiệu là hiệu lệnh chỉ huy giao thông, điều khiển các loại xe qua lại.  - Có 2 loại đèn tín hiệu, đèn cho các loại xe và đèn cho người đi bộ.  - Tín hiệu đèn cho các loại xe gồm 3 màu: Đỏ, vàng, xanh.  - Đèn tín hiệu cho người đi bộ có hình người màu đỏ hoặc xanh.  - Giới thiệu bài: “**Đèn tín hiệu giao thông**”  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động khám phá:**  **Mục tiêu**:  + Nhận biết được Đèn tín hiệu giao thông  + Biết được tác dụng của các loại đèn tín hiệu giao thông.  + Chấp hành tín hiệu đèn giao thông để đảm bảo an toàn cho mình và cho mọi người.  **2.1. Tìm hiểu đèn tín hiệu giao thông.**  **a.Đèn tín hiệu giao thông ba màu**  **-** Cho hs thảo luận nhóm 4: Quan sát 4 tranh trong sách giáo khoa( trang 8) trả lời câu hỏi:  + Đèn tín hiệu giao thông đặt ở những nơi nào?.  + Khi có tín hiệu đèn xanh các em được làm gì?  + Khi có tín hiệu đèn vàng các em phải làm gì?  + Khi có tín hiệu đèn đỏ các em phải làm gì?  **b. Đèn tín hiệu giao thông hai màu**  **-** Cho hs thảo luận nhóm 4: Quan sát 2 tranh trong sách giáo khoa( trang 9) trả lời câu hỏi:Đèn tín hiệu giao thông hai màu dành cho người đi bộ:  + Khi có tín hiệu đèn xanh các em được làm gì?  + Khi có tín hiệu đèn đỏ các em phải làm gì?  **2.2 Đèn tính hiệu giao thông hai màu ở nơi giao nhau với đường sắt.**  **-** Cho hs thảo luận nhóm 2: Quan sát tranh trong sách giáo khoa( trang 9) trả lời  +Khi cóĐèn tính hiệu giao thông hai màu ở nơi giao nhau với đường sắt thì các em phải làm gì?.  -Giáo viên nhận xét, đánh giá. Liên hệ giáo dục các em khi tham gia giao thông.  **TIẾT 2:**  **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành**  **Mục tiêu:**  - HS nhận biết được các tình huống, hành vị có thể xảy ra tai nạn giao thông.  - Biết nói lời khuyên đúng, sai với bạn khi tham gia giao thông.  **3.1. Tình huống nào trong tranh Ai được đi trong các tình huống sau:**  GV cho HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi :  + Ở tranh 1: người đi bộ hai xe được đi ? .Vì sao?  + Ở tranh 2: người đi bộ hai xe được đi ? .Vì sao?  **3.2. Hành vi nào trong tranh chỉ ra ai chấp hành và ai không chấp hành tín hiệu đèn giao thông.**  -GV cho HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi :  + Em nhìn thấy những trường hợp nào vi phạm đèn tín hiệu. Những trường hợp chấp hành đèn tín hiệu.  + Em đồng tình với trường hợp nào trong tình huống 1(bằng cách sử dụng thẻ).  + Em nhìn thấy những trường hợp nào vi phạm đèn tín hiệu. Những trường hợp chấp hành đèn tín hiệu.  - Em đồng tình với hành vi tham gia giao thông nào trong từng bức tranh (bằng cách sử dụng thẻ)  - Em hãy nói lời khuyên cho với những hành vi chưa đúng ?  thẻ).  - GV chốt lại nội dung chính và giáo dục HS.  **4. Hoạt động Vận dụng**  **Mục tiêu:** Chia sẻ với bạn hoặc người thân những việc cần làm để phòng tránh tai nạn giao thông xảy ra trên đường đến trường.  - GV chia nhóm, nêu yêu cầu:  +Em hãy chọn màu phù hợp cho đèn tín hiệu giao thông.  ***+ Trò chơi “Ai đúng luật*** ” ***1 HS làm quản trò***.  - Khi giơ tầm bìa có hình người đi màu xanh, cả lớp sẽ đứng lên, nhìn sang hai bên và hô (quan sát hai bên và đi).  - Khi giơ tấm bìa có hình người đi màu đỏ cả lớp sẽ ngồi xuống ghế và hô (hãy đợi.)  (Cứ thế cho từng nhóm thực hiện)  -GV nhận xét giải thích.  Giáo viên tổng kết các trường hợp cần tuân thủ tín hiệu đèn tín giao thông để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.  - Biết được tác dụng của các loại đèn tín hiệu giao thông.  **5. Củng cố :**  - GV giáo dục cho học sinh khi tham gia giao thông ta phải chấp hành tốt luật giao thông , tín hiệu đèn giao thông để đảm bảo an toàn cho chính mình để giảm bớt gánh nặng cho xã hội .  **6. Dặn dò**  - Về nhà các em xem lại bài và thực hiện tốt luật giao thông khi tham gia.  - Vận động mọi người chấp hành tốt luật giao thông.  - Chuẩn bị bài sau: Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn.  - Nhận xét tiết học. | -HS nghe  - Học sinh quan sát tranh  -**Bài 2: Đèn tín hiệu giao thông**  - HS thảo luận nhóm4  - Đại diện trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét bổ sung  - Tranh 1: Đặt ở những nơi có đường giao  - Tranh 2: Khi có tín hiệu đèn xanh các em được đi  Tranh 3: Khi có tín hiệu đèn vàng các em phải di chuyển chậm lại dừng trước vạch dừng.  Tranh 4: Khi có tín hiệu đèn đỏ các em không được đi.  - HS thảo luận nhóm4  - Đại diện trình bài kết quả.  - Lớp nhận xét bổ sung  - Tranh 1: Khi có tín hiệu đèn xanh các em được đi  Tranh 2: Khi có tín hiệu đèn đỏ các em không được đi.  - HS thảo luận nhóm 2  - Đại diện trình bài kết quả.  - Lớp nhận xét bổ sung  + Dừng lại quan sát tàu hỏa khi quan đường sắt.  - HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi  +Tranh 1: Người đi xe được đi.Vì đèn tín hiệu đang báo màu xanh.  +Tranh 2: Người đi bộ được đi.Vì đèn tín hiệu đang báo màu đỏ.  - HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  - HS trình bày,..  - Tình huống 1: những trường hợp nào vi phạm đèn tín hiệu:B;C. Những trường hợp chấp hành đèn tín hiệu:A;E;D.  - HS giơ thẻ để thể hiện nội dung: A;B;C;D;E  - Tình huống 2: những trường hợp nào vi phạm đèn tín hiệu:B;C. Những trường hợp chấp hành đèn tín hiệu:A;E;D.  - HS giơ thẻ để thể hiện nội dung: A;B;C;D;E  -HS hoạt động nhóm đôi. HS chia trao đổi trong nhóm.  -HS đại diện trình bài trình bài trước lớp.  - Hs( B;D đèn đỏ, A; C , đèn xanh.)  -HS nhận xét bổ xung.  -HS lắng nghe. Tham gia trò chơi  -HS lắng nghe  -HS theo dõi, lắng nghe  -HS theo dõi, lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Đã duyệt 08/09/2023**

**TỔ TRƯỞNG**

****

**Võ Thị Mỹ**